

Số: /KH-THPTHH4

Hiệp Hòa, ngày tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tổ chức kiểm tra Học kỳ II năm học 2022-2023

Thực hiện Kế hoạch năm học 2022-2023; Thực hiện Công văn số 439/SGDĐTGDTrH,GDTrX ngày 06/4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn kiểm tra học kỳ 2 năm học 2022-2023, trường THPT Hiệp Hòa số 4 hướng dẫn giáo viên các bộ môn, hoạt động giáo dục tổ chức kiểm tra học kỳ 2 năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học theo Khung phân phối chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT năm học 2022-2023 của Sở GDĐT; kiểm tra và đánh giá chất lượng dạy và học của các môn học, hoạt động giáo dục.

- Kiểm tra những kiến thức cơ bản, năng lực vận dụng kiến thức và phân hóa trình độ của học sinh. Nội dung đề kiểm tra đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, phù hợp với chương trình dạy học, thời gian quy định của môn kiểm tra. Với khối lớp 12, nội dung, hình thức kiểm tra bám sát nội dung, hình thức thi tốt nghiệp THPT;

- Tổ chức kiểm tra học kỳ 2, đánh giá, xếp loại kết quả rèn luyện, học tập của học sinh học kỳ 2 và cả năm học phải đảm bảo nghiêm túc, công bằng, trung thực, chính xác và khách quan.

- Hoàn thành chương trình dạy học theo đúng kế hoạch thời gian năm học 2022-2023, phù hợp với phân phối chương trình chi tiết của các bộ môn đã xây dựng trên cơ sở khung chương trình các môn do Sở GDĐT ban hành. Nghiêm cấm việc dồn ép, cắt xén chương trình. Riêng khối lớp 12, sau khi kết thúc chương trình các môn học, nhà trường tiếp tục chỉ đạo tăng cường dạy ôn tập cho học sinh vào các tiết tương ứng.

II. THỰC HIỆN KIỂM TRA HỌC KỲ 2

1. Môn kiểm tra, đề kiểm tra

1.1. Môn kiểm tra

Tổ chức kiểm tra đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục ở cả 03 khối lớp.

1.2. Đề kiểm tra

- Sở GDĐT chỉ đạo ra đề kiểm tra:

+ Lớp 10 gồm 10 môn: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh, Tin học, GDKT&PL.

+ Lớp 11 gồm 3 môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

- Trường chỉ đạo ra đề: Đối với các môn còn lại, Tổ trưởng chuyên môn (TTCM) các tổ phân công giáo viên các môn ra đề, thẩm định đề và chuyển cho bộ phận chuyên môn nhà trường để in sao, tổ chức kiểm tra theo lịch.

2. Hình thức, thời gian kiểm tra

2.1. *Sở ra đề các môn kiểm tra khối 10; môn Toán, Ngữ văn và tiếng Anh khối 11; nhà trường chỉ đạo ra đề các môn còn lại của khối 11 và toàn bộ các môn khối 12. Hình thức ra đề chi tiết tại Phụ lục số 1 đính kèm.*

Lưu ý:

- Đối với môn tiếng Anh: Tiếp tục kiểm tra kỹ năng **nói** với lớp 10, 11 theo hướng dẫn tại Công văn số 1173/SGDĐT-GDTrH ngày 20/10/2014 của Sở GDĐT và Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GDĐT về việc triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn Tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015.

- Học sinh làm bài kiểm tra trên giấy (nhà trường chuẩn bị) hoặc kết hợp giữa giấy và phiếu trả lời trắc nghiệm (nhà trường sẽ in sao cùng với đề, phiếu làm bài do giáo viên các môn, hoạt động giáo dục thiết kế).

2.2. *Các môn, hoạt động giáo dục do nhà trường phân công giáo viên ra đề:*

- Nhà trường chỉ đạo ra đề các môn còn lại của khối 11 và toàn bộ các môn khối 12. Hình thức ra đề chi tiết tại **Phụ lục số 1** đính kèm.

- **Mỗi môn kiểm tra, TTCM chỉ đạo ra 02 đề gốc (có thể do 02 GV dạy cùng khối ra), mỗi đề gốc trộn thành 03 mã (đề gốc 01 đặt mã đề thành: 101, 102, 103; đề gốc số 02 đặt mã đề thành: 201, 202, 203).**

- Các giáo viên cùng nhóm chuyên môn thống nhất ra ma trận, bản đặc tả và ra đề đối với các môn học đánh giá bằng điểm số kết hợp nhận xét ra đề theo tỉ lệ phần trăm trắc nghiệm, tự luận là 50-50 (số câu hỏi trắc nghiệm khách quan: 20 câu với đề 45 phút, 25 câu với đề 60 phút).

- Với các môn học/hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét: Nhà trường phân công và giao nhiệm vụ cho tổ trưởng chuyên môn của 02 tổ là Tổ Lịch sử, Địa lý, GDCD/KT-PL và tổ trưởng Tổ Ngữ văn thống nhất lựa chọn hình thức tổ chức, thời gian kiểm tra, đảm bảo xong trước 13/5/2023.

3. Lịch kiểm tra

- **Khối lớp 12:**

Ngày/Thứ	Buổi	Môn, lớp	Thời gian làm bài	Thời gian phát đề	Tính giờ làm bài
Thứ 2 24/4/2023	Sáng	Ngữ văn 12	90 phút	7h25	7h30
		Vật lý 12	50 phút	9h25	9h30
		Tiếng Anh 12	60 phút	10h30	11h30
Thứ 3 25/4/2023	Sáng	Toán 12	90 phút	7h25	7h30
		Địa lý 12	50 phút	9h25	9h30
		Sinh học 12	50 phút	10h30	11h20
Thứ 4 26/4/2023	Sáng	Lịch sử 12	50 phút	7h25	7h30
		Hóa học 12	50 phút	8h30	8h35
		GDCD	50 phút	9h30	9h35

- **Khối 10, 11:** Căn cứ Lịch các môn do Sở ra đề và xếp lịch, nhà trường xếp lịch đan xen, tổ chức kiểm tra đối với các môn do nhà trường chỉ đạo ra đề; phân kiểm tra kỹ năng NÓI môn tiếng Anh, nhà trường sẽ sắp xếp và có sự chỉ đạo trực tiếp với giáo viên của tổ tiếng Anh. **Các khối còn lại kiểm tra xong chậm nhất ngày 13/5/2023.**

Lịch kiểm tra, cụ thể:

Ngày/thứ	Buổi	Môn, lớp	Thời gian làm bài	Thời gian giao đề	Thời gian tính giờ	Hết giờ
09/05/2023 Thứ Ba	Sáng	Ngữ văn 10	90 phút	7 giờ 25	7 giờ 30	9h00
		Tiếng Anh 10	60 phút	9 giờ 25	9 giờ 30	10h30
	Chiều	Ngữ văn 11	90 phút	13 giờ 55	14 giờ 00	15h30
		Tiếng Anh 11	45 phút	15 giờ 55	16 giờ 00	16h45
10/05/2023 Thứ Tư	Sáng	Toán 10	90 phút	7 giờ 25	7 giờ 30	9h00
		Vật lí 10	45 phút	9 giờ 25	9 giờ 30	10h15
	Chiều	Toán 11	90 phút	13 giờ 55	14 giờ 00	15h30
		Sinh học 11	45 phút	15h30	15h35	16h20
11/05/2023 Thứ Năm	Sáng	Lịch sử 10	45 phút	7 giờ 25	7 giờ 30	8h15
		Hóa học 10	45 phút	8 giờ 30	8 giờ 35	9h20
		GDKT&PT 10	45 phút	9 giờ 45	9 giờ 50	10h35
		Lịch sử 11	45 phút	7 giờ 25	7 giờ 30	8h15
		Địa 11	45 phút	8 giờ 30	8 giờ 35	9h20
		GDCD 11	45 phút	9 giờ 45	9 giờ 50	10h35
12/05/2023 Thứ Sáu	Sáng	Địa lý 10	45 phút	7 giờ 25	7 giờ 30	8h15
		Sinh học 10	45 phút	8 giờ 30	8 giờ 35	9h20
		Tin học 10	45 phút	9 giờ 35	9 giờ 40	10h35
		Vật lý 11	45 phút	7 giờ 25	7 giờ 30	8h15
		Hóa học 11	45 phút	8 giờ 30	8 giờ 35	9h20
		Tin học 11	45 phút	9 giờ 35	9 giờ 40	10h35

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xếp phòng kiểm tra

- Đ/c Xuyên. Thư ký Hội đồng cùng bộ phận thư ký: Căn cứ điều kiện phòng học, nhà trường xếp số lượng học sinh trong một phòng không quá 30 học sinh (*cụ thể sẽ báo tới GV và HS sau*).

- Đối với kiểm tra môn tiếng Anh: Bố trí phòng riêng đối với học sinh kiểm tra theo khối lớp; kiểm tra kỹ năng nghe và kỹ năng viết cùng phòng, không tách riêng.

- Yêu cầu các lớp chuẩn bị tốt tivi, có điều khiển, dây kết nối USB tại phòng học của mình để phục vụ kiểm tra kỹ năng nghe tiếng Anh.

2. Hướng dẫn ôn tập, coi, chấm bài kiểm tra, nhập điểm

- Giáo viên bộ môn các lớp ra đề cương hướng dẫn HS ôn tập, đảm bảo kiến thức kiểm tra cuối kỳ. Việc chuyển đề cương, hướng dẫn ôn tập cho HS đảm bảo trước 10 ngày có lịch kiểm tra.

- Giáo viên coi kiểm tra đảm bảo qui chế, chấm bài nghiêm túc, không chấm lệch thang điểm quy định, chữa bài cho học sinh kịp thời, đánh giá kết quả khách quan, thực chất năng lực học tập của học sinh. Bài kiểm tra học kì sau khi chấm, giáo viên nộp cho TTCM và chuyển về lưu tại bộ phận chuyên môn của nhà trường (**TTCM bó buộc bài của từng môn/khối lớp, tránh nhầm lẫn bài**).

- Hoàn thành việc nhập điểm trên CSDL: Khối 12: Chậm nhất 16 giờ 00 ngày 05/5/2023; Khối 10, 11: Chậm nhất 16 giờ 00 ngày 22/5/2023.

3. Nộp đề kiểm tra

TTCM phân công ra đề kiểm tra, thẩm định và chuyển file đề cho Đ/c Thiện theo thời gian:

Khối 12: Chậm nhất 15 giờ 00 **ngày 18/4/2023**.

Khối 11: Chậm nhất 15 giờ 00 **ngày 03/5/2023**.

Các môn tự kiểm tra: TTCM chuyển file đề cho Đ/c Thiện chậm nhất 15 giờ 00 **ngày 13/5/2023**.

Nhà trường yêu cầu các TTCM, giáo viên nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, liên hệ với Đ/c Nguyễn Đức Thiện, Phó Hiệu trưởng để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Các TTCM, GV (t/h);
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Thiện

Phụ lục 1
HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Kế hoạch số: /KT-THPTHH4 ngày /4/2023)

Môn	Lớp 10	Lớp 11	Khối 12
Toán	TN 50%; TL 50%	TN 50%; TL 50%	TN 100%
Vật lí	TN 50%; TL 50%	TN 50%; TL 50%	TN 100%
Hóa học	TN 50%; TL 50%	TN 50%; TL 50%	TN 100%
Sinh học	TN 50%; TL 50%	TN 50%; TL 50%	TN 100%
Tiếng Anh	TN 60%; TL 40%	TN 60%; TL 40%	TN 100%
Ngữ văn	TN: 35%; TL: 65%	Tự luận	Tự luận
Lịch sử	TN 50%; TL 50%	TN 50%; TL 50%	TN 100%
Địa lí	TN 50%; TL 50%	TN 50%; TL 50%	TN 100%
GDCD/GDKTPL	TN 50%; TL 50%	TN 50%; TL 50%	TN 100%
Tin học	TN 50%; TL 50%	TN 50%; TL 50%	

* Môn tô màu ĐỎ: Sở ra đề; môn còn lại: trường ra đề.